

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 19/12/2024

"V/v: Tranh chấp hôn nhân, gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỷ Dương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thu H, sinh năm 1985;

Nơi thường trú và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Lưu Bình D – Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975;

Nơi thường trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà G, đường C, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn ngày 09/12/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi kết hôn hai bên đều tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới, chị về nhà anh C làm dâu, sinh sống cùng gia đình chồng tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không cùng chị đóng góp kinh tế gia đình. Chị đã tham gia góp ý nhiều lần nhưng anh C không sửa đổi, vẫn la cà quán xá, nhậu nhẹt với bạn bè, về nhà còn kiếm chuyện để đánh chửi chị, thậm chí còn đuổi chị ra khỏi nhà. Mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra đỉnh điểm vào năm 2018, anh C uống rượu say rồi nhốt chị trong nhà đánh đập chị thậm tệ. Sau đó anh C vào miền N làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà. Chị và anh C sống ly thân từ khoảng năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn bất kỳ sự quan tâm, chia sẻ nào với nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 17/8/2008 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/11/2003. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng chị tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 17/8/2008, cháu Nguyễn Văn K đã trưởng thành, lập gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị H kết hôn ngày 09/12/2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, anh chị được tìm hiểu nhau khoảng nửa năm thì quyết định tiến tới hôn nhân. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới, chị H về nhà anh làm dâu, chung sống cùng gia đình anh được khoảng hai tháng thì vợ chồng ra ở riêng tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng giữa năm 2018, anh quyết định vào miền N làm ăn để nâng cao kinh tế gia đình. Vài tháng sau, chị H cùng hai con cũng chuyển vào sinh sống cùng anh tại S. Vợ chồng cùng nhau làm kinh tế nhưng đến năm 2021, anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, sinh sống.

Tháng 8 năm 2022, chị H cùng hai con bỏ đi nơi khác sinh sống. Anh không biết nguyên nhân chị H bỏ đi cũng không biết chị H bỏ đi đâu. Anh và chị H đã không liên lạc và sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 17/8/2008 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/11/2003. Hiện nay, các con chung đang sinh sống cùng chị H tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, anh đề nghị giao con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 17/8/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, Cháu Nguyễn Văn K đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 705 và 476 tờ bản đồ số 37 xã T và 01 ngôi nhà cấp 4 xây bốn gian tại xóm B, xã T. Anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có các khoản vay nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện P vay qua Hội nông dân xã T 20.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị Á (mẹ đẻ chị H) 20.000.000 đồng, nợ ông Vũ Văn C1, bà Nguyễn Thị M 130.000.000 đồng và các khoản nợ do anh và chị H làm ăn thua lỗ tại S là 270.000.000 đồng. Anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các khoản nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án liên quan đến phần tài sản chung, nợ chung, anh C không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ, không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

Bản án số 51/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các Điều 5, 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 17/8/2008 cho chị Hà Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn C có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở (con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/11/2003 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không xem xét).

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp, có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, anh Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và có ý kiến: Quá trình chung sống anh và chị Hà Thu H có tài sản chung là thửa đất số 705 và 476 tờ bản đồ số 37 xã T và 01 ngôi nhà cấp bốn tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời hiện anh chị còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện P vay qua Hội nông dân xã T 20.000.000^đ nhưng đã trả hết cho ngân hàng; nợ bà Trần Thị Á (mẹ đẻ chị H) 20.000.000^đ; nợ tiền mua đất của ông Vũ Văn C1, bà Nguyễn Thị M 130.000.000^đ; ngoài ra còn nợ 270.000.000^đ trong thành phố Hồ Chí Minh do anh chị làm ăn thua lỗ. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh đã được Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí 02 lần nhưng anh không thực hiện, anh cũng chưa cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Trong vụ án này, chị H là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân và giải quyết về con chung, không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh Nguyễn Văn C là bị đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về tài sản chung và nợ chung là yêu cầu độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đơn của anh C, đồng thời đã yêu cầu anh C cung cấp tài liệu chứng cứ và đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với anh C, nhưng anh C không thực hiện. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để giải quyết. Anh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần tài sản chung, nợ chung là không có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Hà Thu H là nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị H là đúng pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến người kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn C làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Hà Thu H không yêu cầu chia tài sản chung, anh Nguyễn Văn C có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm: 02 thửa đất số 705, 476 thuộc tờ bản đồ số 37 tại xã T có diện tích khoảng 240m² mua của anh Nguyễn Văn C2, trên đất có một ngôi nhà cấp 4 và 01 nhà bếp. Ngoài ra còn có khoảng 4.500m² đất trồng cây lâu năm, hiện đang trồng chè; nợ Hội nông dân xã T 20.000.000^d (anh C đã trả hết); nợ bà Trần Thị Á (Mẹ đẻ chị H) 20.000.000^d; nợ anh Nguyễn Văn C2 130.000.000^d; Nợ do làm ăn thua lỗ khi gia đình sinh sống ở S (TP Hồ Chí Minh) 270.000.000^d. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, anh Nguyễn Văn C đã cung cấp 01 tờ giấy A4 có các hình vẽ như bản đồ; 01 thẻ theo dõi giao dịch vay tiền của Chi nhánh NHCSXH tỉnh T, phòng giao dịch huyện P đã tắt toán khoản vay ngày 10/3/2024; 01 Giấy bán nhượng ngày 12/4/2016 là giấy photo ; 01 phiếu giao dịch của phòng giao dịch huyện P có đóng dấu đã thu tiền; 02 giấy xác nhận công nợ của Nguyễn Văn C. Tòa án đã xác

minh và được Công an xã T cho biết, tại thời điểm xác minh ông Vũ Văn C1 và bà Nguyễn Thị M1 không có đăng ký tại địa bàn xã T. Làm việc với bà Trần Thị Á là mẹ của chị H, bà Á xác nhận có cho anh C và chị H vay 20.000.000đ, nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Đồng thời Toà án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn C, nhưng anh Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Toà án. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết về tài sản chung của chị H và anh C trong vụ án này, dành quyền khởi kiện cho anh chị trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm, chị H là Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Anh C có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người yêu cầu theo quy định của pháp luật, Toà án không nhận được đơn yêu cầu của người có yêu cầu độc lập.

Theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự, về phạm vi xét xử phúc thẩm, Toà án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn C không được chấp nhận. Do vậy, anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên toà là có căn cứ.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn C về việc giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2024/HNGĐ -ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004688 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2024/HNGĐ -ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Hoàng Văn Giang

